

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO

TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2023/HS-PT
Ngày: 30-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào
Ông Lê Phước Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 29-6-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 219/2023/TLPT-HS ngày 11-5-2023 đối với bị cáo **Nguyễn Quang T** và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HST ngày 31-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Quang T, sinh ngày 07-12-1960 tại Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT: thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Đ); là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đang bị tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Nguyễn Quang K (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1939; vợ là Mai Thị T và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 07-12-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Phụng T1, sinh ngày 01-10-1966 tại Đà Nẵng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng - Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ (trước khi bị khởi tố, bị cáo làm việc tại Công ty TNHH Tập đoàn T); con ông Lâm Thành B, sinh năm 1937 và bà Trần Thị L, sinh năm 1939; không có chồng con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Lê D, sinh ngày 10-10-1978 tại Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Xí nghiệp Công trình giao thông xây dựng, thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ (nay là Công ty Cổ phần Xây lắp phát triển nhà Đ); là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đang bị tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Bùi T, sinh năm 1954 và bà Lê Thị H, sinh năm 1958; vợ là Mai Vũ Thị Tường V và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 21-10-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hoàng Phụng U, sinh ngày 01-01-1969 tại Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT: quận H, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Phòng Tài chính, thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đang bị tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Nguyễn S và bà Hoàng Thị K (đều đã chết); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 21-10-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Thị Thu H, sinh ngày 13-8-1977 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Xí nghiệp Công trình giao thông xây dựng, thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ; con ông Lê Văn T, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1956; chồng là Trần Anh K và có 04 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 21-10-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang T:*

1. Luật sư Đỗ P - Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Phụng T1:*

Luật sư **Đinh Ngọc K** - Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Phụng U:*

1. Luật sư Mai Quốc V - Công ty Luật TNHH MTV M, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2. Luật sư Mai D P - Công ty Luật TNHH MTV M, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu H:*

Luật sư **Phạm Văn N** - Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự:

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Võ Nguyên C** - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

(Vụ án có 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi phạm tội của Nguyễn Quang T và đồng phạm trong việc chuyển nhượng trái phép nhà và đất tại số 186 T, thành phố Đà Nẵng:

Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ có trụ sở tại số 186 T, quận H, thành phố Đà Nẵng, được thành lập theo Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 3160/QĐ-UB ngày 05-11-1992 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước số 103650; đăng ký lần đầu ngày 23-11-1992; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04-4-2005, với vốn điều lệ là 39.039.351.394 đồng. Đây là doanh nghiệp Nhà nước, do UBND thành phố Đà Nẵng nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu; ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, xây dựng nhà ở, xây dựng công trình công cộng, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Công ty hoạt động theo Điều lệ ngày 01-01-1992, được UBND tỉnh Quảng Nam xác nhận và cho phép áp dụng từ ngày 01-8-1992. Điều lệ xác định công ty là doanh nghiệp Nhà nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tự quản lý trên cơ sở định hướng của UBND thành phố Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo nguyên tắc chịu sự chỉ đạo về phát triển đô thị của cấp trên trực tiếp, hoạt động tự chủ hoàn toàn về sản xuất kinh doanh; hạch toán độc lập, được mở tài khoản tại Ngân hàng (kể cả tài khoản ngoại tệ); chịu sự quản lý trong khuôn khổ pháp luật, các chính sách của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định của Nhà nước. UBND thành phố Đà Nẵng là cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên trực tiếp của công ty. Công ty hoạt động theo Điều lệ của Xí nghiệp quốc doanh (hoặc Luật Doanh nghiệp Nhà nước).

Ngày 16-7-2004, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5714/QĐ-UB bổ nhiệm Nguyễn Quang T - Phó Giám đốc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ giữ chức vụ Giám đốc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ, thuộc Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

Ngày 10-3-2003, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1439/QĐ-UB bổ nhiệm Lâm Phụng T1 giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ, thuộc Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng kể từ ngày công bố quyết định.

Điều lệ quy định trách nhiệm quyền hạn của Giám đốc, Kế toán trưởng như sau: *Giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm tuyệt đối và cao nhất trong mọi hoạt động của công ty. Kế toán trưởng công ty giúp Giám đốc thực hiện chế độ hạch toán kinh tế kinh doanh, chỉ đạo công tác tài vụ, kế toán, kiểm tra tài chính, thống kê theo đúng điều lệ Kế toán trưởng của Nghị định số 26/HĐBT ngày 18-3-1989 của Hội đồng bộ trưởng.*

Ngày 26-7-2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 949/QĐ-TTg phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới công ty 100% vốn Nhà nước thuộc UBND thành phố Đà Nẵng (giai đoạn 2007-2010), trong đó có thực hiện cổ phần hóa đối với Công ty phát triển nhà Đ. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1496/UBND-KTN ngày 13-3-2009 của UBND thành phố Đà Nẵng, thì thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty Đầu tư phát triển nhà Đ là ngày 30-4-2009.

Đến ngày 31-3-2010, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ chính thức cổ phần hóa, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101323 với tên gọi: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Đ, có vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 10% cổ phần. Đến ngày 18-10-2013, theo ủy quyền của UBND thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 4117/UBND-KTTH ngày 11-6-2012, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng bàn giao 10% vốn Nhà nước còn lại, tương ứng số tiền 10.080.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Đ về Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.

Quá trình hoạt động, Nguyễn Quang T cùng đồng phạm thực hiện việc chuyển nhượng trái phép nhà và đất tại số 186 T, thành phố Đà Nẵng gây thất thoát tài sản Nhà nước như sau:

- Ngày 26-12-2002, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ nhận chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ số 5A P, diện tích đất là 64 m² từ ông H Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (cùng trú tổ 54, phường Hòa Cường, quận H, thành phố Đà Nẵng) với giá 832.000.000 đồng, được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401091679.

Đến ngày 01-11-2004, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ được UBND thành phố cho phép nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích đất là 327,1 m² tại địa chỉ số 186 T (liền kề với thửa đất số 5A P) từ Công ty Quản lý nhà Đ với giá 3.949.204.000 đồng, được cấp Giấy chứng nhận số AB143591.

Ngày 08-7-2005, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ có Công văn số 418/CV-CT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đề nghị cho phép gộp 02 thửa đất (nêu trên) thành một thửa, vì hai thửa này hiện là trụ sở chính của công ty và xác nhận tài sản gắn liền trên đất cho công ty. Trên cơ sở tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND thành phố Đà Nẵng cho phép hợp 02 thửa đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số AC791694 đối với thửa đất này, với tổng diện tích là 391,1 m², mục đích là đất cơ sở sản xuất kinh doanh, tài sản gắn liền với đất được xây dựng là 295 m², diện tích sử dụng 935,2 m² (03 tầng). Công ty hạch toán theo dõi tài sản cố định vô hình đối

với quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình đối với nhà trên hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán.

Ngày 20-01-2009, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ có Công văn số 21/CV-CT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng với nội dung: *Do Giấy chứng nhận hiện nay ghi mục đích sử dụng đất là đất sản xuất kinh doanh, nên không phản ánh đúng nguồn gốc lô đất, do đó đề nghị được tách thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 791694 ngày 04-10-2005 thành 02 thửa đất theo mục đích ban đầu để thuận tiện cho việc quản lý và sử dụng, bao gồm: (1). Thửa đất 1: Diện tích 68,4 m² đất ở (để xin xây dựng sàn bất động sản) và (2). Thửa đất 2: Diện tích 322,7 m² đất xây dựng Văn phòng công ty.*

Ngày 05-3-2009, UBND thành phố Đà Nẵng có Công văn số 1263/UBND-QLĐT giao Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố lập thủ tục tách thửa. Ngày 08-4-2009, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng có Tờ trình số 222/TTr-STMNT về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do tách thửa đất) và công nhận quyền sử hữu tài sản trên đất của Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ. Qua đó, thửa đất trên được tách thành 02 thửa và cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: (1). AN 104200 ngày 24-4-2009 của UBND thành phố Đà Nẵng, diện tích 322,7 m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh và (2). AN 104001 ngày 22/-4-2009 của UBND thành phố Đà Nẵng, diện tích 68,4 m² đất ở tại đô thị.

Mặc dù, việc bán tài sản cố định thuộc doanh nghiệp Nhà nước phải tổ chức bán đấu giá và tổ chức thẩm định giá trước khi bán theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05-02-2009 của Chính phủ “Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác”, Điều 5, Điều 9 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18-01-2005 của Chính phủ về “Bán đấu giá tài sản”, nhưng đến ngày 27-4-2009 (trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 03 ngày), Nguyễn Quang T tự quyết định việc chuyển nhượng và giá chuyển nhượng nhà đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104001, diện tích 68,4 m², diện tích sử dụng 255,4 m², tại địa chỉ 186 số T (góc ngã tư T - P) cho Công ty Cổ phần địa ốc ô tô P với giá 1.955.280.000 đồng (trong đó, quyền sử dụng đất là 1.655.280.000 đồng, giá trị tài sản trên đất là 300.000.000 đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1563/HĐCN tại Văn phòng Công chứng B. Ngày 28-4-2009, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0134579, với giá trị là 1.955.280.000 đồng cho người mua là Công ty Cổ phần địa ốc ô tô P. Công ty Cổ phần địa ốc ô tô P nộp tiền đặt cọc trước 370.000.000 đồng, còn nợ 1.585.280.000 đồng. Sau khi xuất hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ nộp hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng để đăng ký chỉnh lý biến động chuyển nhượng. Ngày 15-7-2009, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng chỉnh lý biến động nội dung nhận chuyển nhượng trên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104200. Đến ngày 06-5-2011, Công ty Cổ phần địa ốc ô tô P hoàn thành việc thanh toán số tiền còn lại và làm thủ tục chỉnh lý nội dung đổi sang tên Công ty Cổ phần đầu tư P.

Trong quá trình mua, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Nguyễn Quang T chỉ đạo Lâm Phụng T1 hạch toán và theo dõi trong danh mục tài sản cố định (thuộc doanh nghiệp Nhà nước).

Tại Quyết định trưng cầu giám định số 125/CSĐT ngày 13-8-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng:

Trung cầu Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng giám định việc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ có thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ số 186 T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số AN 104001 không?.

Tại Kết luận giám định việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai số 25/KLGĐ-STNMT ngày 14-10-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng kết luận:

Theo quy định, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ được quyền quyết định các phương án nhượng bán tài sản cố định của công ty là quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ số 186 T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số AN 104001, diện tích 68,4 m², diện tích sử dụng 255,4 m². Tuy nhiên, việc nhượng bán tài sản cố định này phải được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ không thông qua tổ chức bán đấu giá tài sản hoặc không tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản là trái quy định tại Điều 16 Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05-02-2009 của Chính phủ quy định về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính.

Tại Yêu cầu định giá tài sản số 2864/CSĐT ngày 23-8-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng:

Yêu cầu xác định giá khởi điểm của tài sản là quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ số 186 T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số AN 104001 trong trường hợp đưa ra bán đấu giá vào ngày 27-4-2009.

Tại Kết luận định giá tài sản số 194/KL-HĐĐGTS ngày 03-12-2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng kết luận:

Giá trị của khu đất số 186 T, thành phố Đà Nẵng theo mục đích sử dụng đất ở, thời điểm định giá ngày 27-4-2009 là 3.415.194.900 đồng.

Như vậy, việc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ thực hiện việc bán tài sản cố định là nhà đất tại số 186 T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104001 không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, gây thất thoát cho Nhà nước số tiền **1.459.914.900 đồng** (một tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu chín trăm mười bốn nghìn chín trăm đồng).

2. Hành vi của Nguyễn Quang T và đồng phạm trong quá trình kiểm kê tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp tại Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ:

Ngày 16-7-2001, Sở Địa chính nhà đất thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 329/QĐ-ĐCND thành lập Xí nghiệp thi công cơ giới, là đơn vị kinh tế trực thuộc

Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ. Đến ngày 30-12-2002, xí nghiệp được đổi tên thành Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng theo Quyết định số 2575/QĐ-ĐCND của Sở Địa chính nhà đất thành phố Đà Nẵng. Xí nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị kinh tế trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước số 314700, đăng ký lần đầu ngày 26-7-2001. Bùi Lê D được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp từ ngày 15-9-2007 theo Quyết định số 355/QĐ-CT ngày 15-9-2007 của Giám đốc Công ty đầu tư và Phát triển nhà Đ là Nguyễn Quang T.

Thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước năm 2007, Nguyễn Quang T, lúc này là Giám đốc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ đã ký các Tờ trình 367/TT-CT ngày 20-7-2007, số 397/TT-CT ngày 06-8-2007 gửi UBND thành phố Đà Nẵng xin chủ trương cổ phần hóa 4 xí nghiệp trực thuộc công ty gồm: Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng, Xí nghiệp Vật tư xây dựng, Xí nghiệp Bê tông xây dựng, Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp để thu hồi vốn cho Công ty Cổ phần xây lắp phát triển nhà Đ.

Ngày 09-8-2007, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Công văn số 4128/UBND-KTTH về việc cổ phần hóa các đơn vị trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ, chủ trương đồng ý việc sắp xếp lại các xí nghiệp sản xuất trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ thành 01 Xí nghiệp và tiến hành cổ phần hóa xí nghiệp trực thuộc công ty trong Quý 3 năm 2007, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 30-6-2007; hình thức cổ phần hóa: bán hết phần vốn Nhà nước hiện có tại xí nghiệp trực thuộc và phát hành thêm cổ phiếu để vốn điều lệ công ty cổ phần tối thiểu là 25 tỷ đồng;

Ngày 16-8-2007, Nguyễn Quang T ký Tờ trình số 416/TT-CT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị có quyết định sáp nhập các đơn vị thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ. Ngày 21-8-2007, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 126/QĐ-STNMT sáp nhập 03 Xí nghiệp là Xí nghiệp Vật tư xây dựng, Xí nghiệp Bê tông Xây dựng và Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp vào Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ để cổ phần hóa.

Ngày 19-02-2008, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 1629/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ thành Công ty cổ phần. Sau đó, công ty được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002046, đăng ký lần đầu ngày 02-5-2008, có tên là Công ty Cổ phần Xây lắp phát triển nhà Đ; người đại diện theo pháp luật của công ty là Tổng Giám đốc Bùi Lê D.

Quá trình thực hiện chủ trương cổ phần hóa công ty, các ban, tổ được thành lập như sau:

- Ngày 09-01-2008, ông Nguyễn Điều - Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa ký Quyết định số 10/QĐ-BCĐCPH thay thế Quyết định số 125/QĐ-BCĐCPH về việc thành lập tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa gồm: (1). Nguyễn Quang T - Giám đốc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ - Tổ trưởng, (2). Bùi Lê D - Giám

đốc Xí nghiệp Công trình giao thông và xây dựng - Tổ viên, (3). Ông Nguyễn Văn N - Chủ tịch Công đoàn Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ - Tổ viên, (4). Bà Nguyễn Hoàng Phượng U, Trưởng phòng Tài chính Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ - Tổ viên, (5). Lê Thị Thu H - Kế toán trưởng Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng - Tổ viên và (6). Ông Nguyễn Quang C - Trưởng phòng Phòng Thiết bị Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng - Tổ viên.

Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Đầu tư và phát triển nhà Đ có trách nhiệm thực hiện các bước công việc liên quan để cổ phần hóa công ty, phương án cổ phần hóa, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty và định kỳ báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty về tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

- Ngày 29-9-2007, Nguyễn Quang T ký Quyết định số 374a/QĐ-CT và Quyết định số 375b/QĐ-CT về việc thành lập Tổ kiểm kê tài sản tại Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng gồm: (1). Lê Thị Thu H - Kế toán trưởng xí nghiệp - Tổ trưởng, (2). Ông Nguyễn Quang C - Trưởng phòng Phòng Thiết bị xí nghiệp - Tổ phó, (3). Ông Nguyễn Lương Đ - Nhân viên Phòng Kế toán xí nghiệp - Tổ viên, (4). Ông Nguyễn Thanh T - Phó phòng Phòng Tổng hợp công ty - Tổ viên và (5). Ông Nguyễn Đ - Nhân viên Phòng Tài chính công ty - Tổ viên.

Tổ kiểm kê tài sản có trách nhiệm: Kiểm kê tài sản cố định, công cụ dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa, vật tư tại Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng đến thời điểm 00 giờ 00 phút ngày 01-10-2007; tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm kê về công ty chậm nhất đến ngày 10-10-2007.

Quá trình kiểm kê tài sản để lập hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Nguyễn Quang T, Bùi Lê D, Nguyễn Hoàng Phượng U, Lê Thị Thu H đã có hành vi kiểm kê, xác định giá trị tài sản là Quyền sử dụng đất tại số 31 N, phường Hòa Thuận Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng không đúng thực trạng dẫn đến thất thoát tài sản của Nhà nước như sau:

Ngày 26-01-1994, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 155/QĐ-UB giao nhà và đất tại địa chỉ số 31 N cho Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ quản lý, sử dụng. Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ bố trí cho hai xí nghiệp trực thuộc là Xí nghiệp Vật tư xây dựng và Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng sử dụng làm nơi làm việc.

Ngày 03-4-2003, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ có Tờ trình số 186/TT-CT xin nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 184,7 m² đất tại số 31 N để xây dựng văn phòng làm việc, diện tích đất còn lại xin thuê đất và được UBND thành phố Đà Nẵng đồng ý theo Công văn số 1282/UB-VP ngày 18-4-2003.

Ngày 01-9-2003, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 21720/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X127544 cho Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ với diện tích 184,7 m², thời hạn sử dụng lâu dài. Đối với phần đất còn lại của thửa đất, ngày 05-6-2003, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định 3434/QĐ-UB cho Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ thuê đất theo hiện trạng sử dụng với diện tích 433,1 m², thời hạn thuê đất 05 năm. Đến ngày 01-11-2004, UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 8748/QĐ-UB cho phép chuyển quyền

sử dụng đất và Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ đã được cấp Giấy chứng nhận số AB 143592 ngày 16-02-2005, thời hạn sử dụng đất lâu dài.

Ngày 04-3-2005, Nguyễn Quang T ký Công văn số 135/CV-CT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố và UBND thành phố Đà Nẵng đề nghị gộp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (X127544, AB143592) nhập thửa thành một thửa đất để tiện quản lý. Ngày 26-4-2005, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố có Phiếu trình số 10/PT-VP và được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng thống nhất. Ngày 10-5-2005, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 259/TT-TNMT đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng “Thu hồi, hủy bỏ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ và cấp lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ khu đất nêu trên”. Trên cơ sở tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, ngày 31-5-2005, UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 148860, thửa đất số 157, tờ bản đồ số 17, diện tích 620 m², đất sử dụng mục đích công trình sự nghiệp có kinh doanh, thời hạn sử dụng lâu dài cho Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ. Tài sản này được Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ đưa vào hạch toán kế toán là tài sản cố định vô hình của công ty.

Ngày 14-9-2007, Nguyễn Quang T ký Quyết định số 320/QĐ-CT cấp tài sản là quyền sử dụng đất tại số 31 N, diện tích 620 m² cho Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng. Ngày 17-9-2007, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ lập Biên bản bàn giao tài sản là Quyền sử dụng đất tại 31 N, hồ sơ kèm theo biên bản gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 148860 cho xí nghiệp quản lý và hạch toán ghi tăng tài sản cố định của xí nghiệp. Biên bản do Nguyễn Quang T và Nguyễn Hoàng Phụng U ký đại diện bên giao, Bùi Lê D và Lê Thị Thu H ký đại diện bên nhận.

Quá trình tiến hành kiểm kê tài sản là quyền sử dụng đất tại số 31 N, mặc dù 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số X127544 và AB143592) cấp cho 02 thửa đất diện tích 184,7m² và 433,1 m² tại địa chỉ số 31 N đã được hợp thửa. Từ ngày 31-5-2005 đã được thay thế bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 148860 cho 01 thửa đất diện tích 620 m² nhưng Nguyễn Quang T, Nguyễn Hoàng Phụng U, Bùi Lê D và Lê Thị Thu H sử dụng bản sao các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số X127544 và số AB143592) để kê khai, xác định giá trị tài sản không đúng với thực tế hai thửa đất đã được hợp thửa, làm giảm hệ số sinh lời của đất, giảm giá trị của thửa đất khi xác định giá trị doanh nghiệp, gây thất thoát tài sản của Nhà nước khi cổ phần hóa.

Cụ thể tại “Bảng kiểm kê tài sản tại thời điểm ngày 30-9-2007” có chữ ký của Nguyễn Quang T, Bùi Lê D, chữ ký nháy của Nguyễn Hoàng Phụng U, Lê Thị Thu H ký xác định nhà đất tại số 31 N là 01 thửa đất có diện tích 620 m². Tuy nhiên, tại “Bảng kiểm kê, đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30-9-2007” lập ngày 09-01-2008 và “Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản” lập ngày 17-01-2008 để phục vụ xác định giá trị doanh nghiệp, những người này ký tên xác định nhà đất tại số 31 N là 02 thửa đất có diện tích 184,7 m² và 434,1 m².

Giá trị quyền sử dụng đất tại số 31 N được xác định theo sổ sách kế toán của công ty là 4.226.041.117 đồng; tại thời điểm ngày 30-9-2007, giá trị quyền sử dụng đất được xác định lại theo 02 thửa đất để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa là 6.479.096.984 đồng. Trên cơ sở đó, Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa đã trình Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 30-01-2018 “Về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng” xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để cổ phần hóa là 93.103.748.694 đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 17.861.436.629 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 165/KL- HĐĐGTS ngày 14-10-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng kết luận:

Giá trị quyền sử dụng đất tại số 31 N theo 01 thửa đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 148860 tại thời điểm ngày 30-9-2007 là 7.621.134.860 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của người liên quan tại “Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng”, “Biên bản họp Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ về việc thẩm tra kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng”, “Bảng kiểm kê, đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30-9-2007, kèm Biên bản họp ngày 17-01-2007 của ban chỉ đạo”, “Bảng tính chi tiết giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30-9-2007, kèm Biên bản họp ngày 17-01-2007 của Ban chỉ đạo” và “Bảng kiểm kê tài sản tại thời điểm ngày 30-9-2007”.

Tại Kết luận giám định số 31/KLTL-KTHS ngày 18-5-2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Chữ ký dưới mục “Giám đốc Cty đầu tư phát triển nhà ĐN” (mục 1.1); chữ ký tại phía dưới góc phải từng tờ (chữ ký thứ nhất tính từ trái sang phải) và chữ ký mang tên Nguyễn Quang T (từ mục 1.2 đến mục 1.5) trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A5 so với chữ ký của Nguyễn Quang T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M6, M24 đến M26 và M28 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “TP Tài chính Cty đầu tư phát triển nhà ĐN” (mục 1.1); chữ ký tại phía dưới góc phải từng tờ (chữ ký thứ hai tính từ trái sang phải, từ mục 1.2 đến mục 1.4) và chữ ký dưới mục “trưởng phòng Tài chính Công ty đầu tư phát triển nhà ĐN” (mục 1.5) trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A5 so với chữ ký của Nguyễn Hoàng Phụng U trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7, M8, M24, M25 và M28 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “Kế toán trưởng Xí nghiệp Công trình GT và XD” (mục 1.1) và chữ ký dưới mục “Kế toán trưởng Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng” (mục 1.5) trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A5 so với chữ ký của Lê Thị Thu H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8, M9, M24, M27 và M28 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “Giám đốc Xí nghiệp công trình GT và XD” (mục 1.1) và chữ ký mang tên Bùi Lê D dưới mục “Giám đốc Xí nghiệp Công trình giao thông và

Xây dựng” (mục 1.5) trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A5 so với chữ ký của Bùi Lê D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8, M10 đến M12, M24, M27 và M28 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “Giám đốc Công ty TNHH thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng” (mục 1.1) và chữ ký mang tên Phạm Minh T dưới mục “Giám đốc Công ty TNHH thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng” (mục 1.2) trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký của Phạm Minh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M13 đến M18, M24, M25 và M27 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Dương Thị Mỹ L dưới mục “Tr. Phòng DVTC Công ty TNHH thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng” (mục 1.1) và dưới mục “Đơn vị tư vấn xác định GTDN Cty TNHH thẩm định giá và dịch vụ tài chính” (mục 1.2) trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký của Dương Thị Mỹ L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M19 đến M25, M27 do cùng một người ký ra.

Nguyễn Quang T, Nguyễn Hoàng Phụng U, Bùi Lê D, Lê Thị Thu H có hành vi kiểm kê tài sản để lập hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa không đúng thực trạng là vi phạm quy định tại Thông tư 146/2007/TT-BTC ngày 06-12-2007 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26-6-2007 của Chính phủ”, dẫn đến thất thoát tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp số tiền là 1.142.037.876 đồng.

Tổng cộng số tiền bị thất thoát trong việc chuyển nhượng trái phép nhà đất tại số 186 T, thành phố Đà Nẵng và việc kiểm kê tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa không đúng hiện trạng thực tế nhà đất tại số 31 N là 2.601.952.776 đồng.

Trong đó, Nguyễn Quang T thực hiện 02 vụ, gây thất thoát tài sản Nhà nước số tiền 2.601.952.776 đồng; Lâm Phụng T1 thực hiện 01 vụ gây thất thoát tài sản Nhà nước số tiền 1.459.914.900 đồng; Nguyễn Hoàng Phụng U, Bùi Lê D và Lê Thị Thu H thực hiện 01 vụ gây thất thoát tài sản Nhà nước số tiền 1.142.037.876 đồng.

- Trách nhiệm dân sự:

Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng yêu cầu thu hồi số tiền Nhà nước bị thất thoát là 2.601.952.776 đồng. Các bị cáo đã tác động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Đ nộp 1.459.914.000 đồng; Công ty Cổ phần xây lắp phát triển nhà Đ nộp 1.142.037.876 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 31-3-2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Quang T 05 (năm)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2021.

1.2. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Bùi Lê D 03 (ba)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

1.3. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Hoàng Phụng U 03 (ba)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

1.4. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Thị Thu H 03 (ba)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

1.5. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lâm Phụng T1 02 (hai)** năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02-4-2023, Lê Thị Thu H kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 05-4-2023, Lâm Phụng T1 và Nguyễn Hoàng Phụng U kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 07-4-2023, Nguyễn Quang T và Bùi Lê D kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Lê Thị Thu H thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin hưởng án treo; các bị cáo còn lại giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Hình sự:

- Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của Nguyễn Quang T; chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của Lê Thị Thu H.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Lê D và Lâm Phụng T1.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 31-3-2023 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần Trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Quang T và Lê Thị Thu H; giảm hình phạt cho Nguyễn Quang T, giữ nguyên hình phạt và cho Lê Thị Thu H được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo tranh tụng công khai; nói lời sau cùng các bị cáo đều nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận về hành vi và hậu quả đã gây ra và đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình, tình trạng bệnh tật của các bị cáo; vai trò, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ được thành lập theo Quyết định số 3160/QĐ-UB ngày 05-11-1992 của UBND tỉnh Quảng N - Đà Nẵng (cũ); đây là doanh nghiệp Nhà nước do UBND thành phố Đà Nẵng) nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu; ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, xây dựng nhà ở, xây dựng công trình, kinh doanh vật liệu xây dựng... Công ty hoạt động theo Điều lệ đã được thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16-7-2004, Nguyễn Quang T được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty; ngày 10-3-2003, Lâm Phụng T1 được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng của công ty; năm 2005, Nguyễn Hoàng Phụng U được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Phòng Tài chính của công ty. Quá trình hoạt động, Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ được Sở Địa chính nhà đất (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) giao nhiệm vụ quản lý 04 xí nghiệp trực thuộc gồm: Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng, Xí nghiệp vật tư xây dựng, Xí nghiệp bê tông xây dựng và Xí nghiệp xây lắp tổng hợp; năm 2007, thực hiện chủ trương sáp nhập và cổ phần hóa các xí nghiệp trực thuộc, 04 xí nghiệp này được sáp nhập thành 01 xí nghiệp là Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng. Bùi Lê D được Nguyễn Quang T bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng từ ngày 15-9-2007, Lê Thị Thu H được Nguyễn Quang T ký quyết định bổ nhiệm làm Kế toán trưởng xí nghiệp.

Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2010, trong công tác quản lý, sử dụng tài sản cố định là quyền sử dụng đất tại số 186 T, thành phố Đà Nẵng và trong công tác kiểm kê, kê khai tài sản là quyền sử dụng đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng để xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa xí nghiệp; Nguyễn Quang T, Lâm Phụng T1, Bùi Lê D, Nguyễn Hoàng Phụng U và Lê Thị Thu H đã có các sai phạm như sau:

- Đối với nhà đất tại số 5A P, thành phố Đà Nẵng:

Nhà đất tại số 5A P, thành phố Đà Nẵng có diện tích 64 m² được Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ nhận chuyển nhượng từ ông H Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh ngày 26-12-2002, được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền

sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401091679. Ngày 01-11-2004, công ty được UBND thành phố Đà Nẵng cho phép nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 327,1 m² tại số 186 T, thành phố Đà Nẵng từ Công ty Quản lý nhà Đ, được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AB143591. Ngày 08-7-2005, theo đề nghị của công ty và theo tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND thành phố Đà Nẵng đã cho phép hợp thửa đối với 02 thửa đất nêu trên và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số AC791694 với tổng diện tích đất là 391,1 m², mục đích sử dụng đất là đất cơ sở sản xuất kinh doanh, tài sản gắn liền với đất được xây dựng là 295 m², tổng diện tích sử dụng là 935,2 m². Đây là tài sản được hình thành từ nguồn vốn Nhà nước đã được công ty, Kế toán trưởng của công ty hạch toán vào danh mục tài sản cố định vô hình đối với quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình đối với nhà trên đất trên hệ thống sổ sách kế toán. Tuy nhiên, trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa; ngày 20-01-2009, Nguyễn Quang T đã ký Văn bản số 21/CV-CT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng xin phép tách thửa đất theo Giấy chứng nhận số AC791694 thành 02 thửa đất riêng biệt, trong đó diện tích đất ở là 68,4 m² để xây dựng sàn bắt động sản, diện tích đất còn lại là 322,7 m² để xây dựng văn phòng công ty. Đề nghị của công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố Đà Nẵng chấp thuận tách thửa đất nói trên thành 02 thửa đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 1042001 ngày 22-4-2009 đối với diện tích 68,4 m² đất ở đô thị; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104200 ngày 24-4-2009 đối với diện tích 322,7 m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh.

Mặc dù, mục đích xin tách thửa là để xây dựng sàn giao dịch bất động sản trên diện tích đất ở 68,4 m² và việc chuyển nhượng tài sản cố định là quyền sử dụng đất thuộc doanh nghiệp Nhà nước phải được sự đồng ý của chủ sở hữu vốn Nhà nước là UBND thành phố Đà Nẵng, phải tổ chức thẩm định giá và bán đấu giá khi chuyển nhượng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05-02-2009 của Chính phủ quy định về việc quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác; Điều 5, Điều 9 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18-01-2005 của Chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản, nhưng ngày 27-4-2009, Nguyễn Quang T đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình là Giám đốc công ty đã tự quyết định việc chuyển nhượng và tự quyết định giá chuyển nhượng đối với nhà đất có diện tích đất 68,4 m², diện tích sử dụng 255,4 m² tại số 186 T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104001 cho Công ty Cổ phần địa ốc ô tô P (nay là Công ty Cổ phần đầu tư P) với giá 1.955.280.000 đồng (trong đó giá trị đất là 1.655.280.000 đồng, giá trị nhà là 300.000.000 đồng). Sau khi nhận chuyển nhượng Công ty P mới chỉ thanh toán, đặt cọc 370.000.000 đồng, nhưng ngày 15-7-2009, Nguyễn Quang T đã chỉ đạo làm thủ tục điều chỉnh đăng ký biến động tên người nhận quyền sử dụng đất cho Công ty P, đến ngày 06-5-2011, Công ty P mới hoàn thành việc thanh toán số tiền còn lại. Lâm Phụng T1 với tư cách là Kế toán trưởng công ty có trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản của doanh nghiệp Nhà nước, giúp Giám đốc thực hiện chế độ hạch toán hoạt động kinh tế kinh doanh, chỉ đạo công tác kế toán, tài chính, tài vụ của công ty; biết rõ hoạt động nhận

chuyển nhượng, nhập thửa, tách thửa đối với 02 thửa đất trên, nhưng không có ý kiến khi Nguyễn Quang T quyết định chuyển nhượng tài sản này cho Công ty P mà không tổ chức thẩm định giá và bán đấu giá theo quy định của pháp luật, nghe theo ý kiến chỉ đạo của T hạch toán và cập nhật sổ sách kế toán quá trình chuyển nhượng tài sản này cho Công ty P, ghi giảm giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và ghi treo nợ số tiền còn lại của Công ty P vào sổ sách kế toán; việc làm trên của Nguyễn Quang T và Lâm Phụng T1 đã gây thất thoát của Nhà nước số tiền là 1.459.914.900 đồng (là số tiền chênh lệch giữa giá bán 1.955.280.000 đồng và kết quả định giá theo giá thị trường tại thời điểm ngày 27-4-2009 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng là 3.415.194.900 đồng).

- Đối với nhà đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng:

Sau khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc đồng ý sáp nhập các xí nghiệp trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ thành 01 xí nghiệp là Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng để tiến hành cổ phần hóa xí nghiệp trong Quý 3 năm 2007, thời điểm xác định giá trị xí nghiệp để cổ phần hóa là ngày 30-9-2007, hình thức cổ phần hóa: Bán hết phần vốn Nhà nước hiện có tại xí nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để vốn điều lệ của công ty cổ phần tối thiểu là 25 tỷ đồng. Ngày 14-9-2007, Nguyễn Quang T với tư cách là Giám đốc công ty đã ký Quyết định số 320/QĐ-CT cấp tài sản là quyền sử dụng đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng có diện tích 620 m² cho Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng. Ngày 17-9-2007, công ty đã ký biên bản bàn giao tài sản là quyền sử dụng đất tại số 31 N kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 148860 cho xí nghiệp và đã hạch toán ghi tăng tài sản cố định là quyền sử dụng đất cho xí nghiệp (Nguyễn Quang T và Nguyễn Hoàng Phụng U đại diện bên giao; Bùi Lê D và Lê Thị Thu H đại diện bên nhận). Tuy nhiên, khi tiến hành kiểm kê tài sản để xác định giá trị xí nghiệp phục vụ cổ phần hóa, mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X127544 đối với thửa đất có diện tích 184,7 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB143592 đối với thửa đất có diện tích 433,1 m² tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng đã được hợp thửa theo chính đề nghị của công ty và ngày 31-5-2005, UBND thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC148860 cho thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15, diện tích 620 m², đất sử dụng vào mục đích công trình sự nghiệp có kinh doanh, thời hạn lâu dài cho công ty; đồng thời, thu hồi, hủy bỏ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ, nhưng Nguyễn Quang T với tư cách Giám đốc Công ty, thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ trưởng tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa vẫn chỉ đạo Nguyễn Hoàng Phụng U (Trưởng phòng Phòng Tài chính Công ty), Bùi Lê D (Giám đốc xí nghiệp), Lê Thị Thu H (Kế toán trưởng xí nghiệp) là các thành viên tổ giúp việc và tổ kiểm kê tài sản sử dụng bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X127544 và số AB143592 đã bị thu hồi, hủy bỏ để kê khai, xác định giá trị tài sản không đúng với hiện trạng thực tế đã được hợp thửa, làm giảm hệ số sinh lời của đất, giảm giá trị của thửa đất khi xác định giá trị doanh nghiệp, gây thất thoát tài sản của Nhà nước, cụ thể: Tại Bảng kiểm kê tài sản xí nghiệp tại thời điểm ngày 30-9-2007 có chữ ký của Nguyễn Quang T, Nguyễn Hoàng Phụng U, Bùi Lê D và Lê Thị Thu H xác định nhà đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng là 01 thửa đất có diện tích 620 m², nhưng tại “Bảng kiểm kê, đánh giá

lại giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30-9-2007” lập ngày 09-01-2008 và “Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản” lập ngày 17-01-2008 để phục vụ xác định giá trị xí nghiệp, thì những người này lại ký tên, xác nhận nhà đất tại số 31 N là 02 thửa đất riêng lẻ có diện tích là 184,7 m² và 431,1 m². Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do công ty và xí nghiệp cung cấp là 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Công ty TNHH Thẩm định giá và dịch vụ tài chính là đơn vị được thuê để tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp đã định giá và xác định lại giá trị quyền sử dụng đất của 02 thửa đất riêng lẻ để tính vào giá trị xí nghiệp khi cổ phần hóa là 6.479.096.984 đồng; việc làm này của Nguyễn Quang T, Nguyễn Hoàng Phụng U, Bùi Lê D và Lê Thị Thu H đã vi phạm quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26-6-2007 của Chính phủ hướng dẫn về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư số 146/2007/BTC ngày 06-12-2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, từ đó đã gây thất thoát của Nhà nước số tiền là 1.142.037.876 đồng (là số tiền chênh lệch giữa giá trị định giá của 02 thửa đất là 6.479.096.984 đồng và kết quả định giá lại quyền sử dụng đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng theo 01 thửa đất là 7.621.134.860 đồng của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng tại thời điểm ngày 30-9-2007).

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định Nguyễn Quang T và Lê Phụng T1 gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 1.459.914.900 đồng; Nguyễn Quang T, Nguyễn Hoàng Phụng U, Bùi Lê D và Lê Thị Thu H gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 1.142.037.876 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Quang T, Nguyễn Hoàng Phụng U, Bùi Lê D và Lê Thị Thu H là cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, cụ thể là quy định về quản lý sử dụng tài sản của Nhà nước và quy định về việc kiểm kê, kê khai tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa doanh nghiệp, làm thất thoát tài sản của Nhà nước; do đó, đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” được quy định tại Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng do hành vi phạm tội được phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử sau khi Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, do đó theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-06-2017 của Quốc hội, các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Đà Nẵng đã khởi tố, truy tố và kết án các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật và đảm bảo được nguyên tắc có lợi cho người phạm tội.

[2.2]. Về hình phạt:

Các bị cáo đều là người có chức vụ quyền hạn trong doanh nghiệp Nhà nước, biết rõ quy trình, quy định trong quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và trong công tác cổ phần hóa, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện không đúng các quy định của pháp luật trong việc chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất và kiểm kê, kê khai tài sản không đúng với hiện trạng thực tế khi xác định giá trị quyền sử dụng đất phục vụ cổ phần hóa, gây thất thoát đến tài sản của Nhà nước với tổng số tiền là 2.601.952.776 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, mỗi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, mức độ khác nhau; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá vai trò để có mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo.

- Đối với Nguyễn Quang T:

Với chức vụ là Giám đốc công ty, thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ trưởng Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa, là người chịu trách nhiệm chính mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước và chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm kê, kê khai tài sản là quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, nhưng bị cáo đã tự quyết định việc chuyển nhượng và giá chuyển nhượng nhà đất tại số 186 T, thành phố Đà Nẵng cho Công ty P, mà không thông qua thẩm định giá và bán đấu giá khi chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; chỉ đạo các nhân viên dưới quyền kiểm kê, kê khai tài sản là quyền sử dụng đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng không đúng với hiện trạng thực tế khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, gây thất thoát tài sản của Nhà nước với tổng số tiền là 2.601.952.776 đồng, do đó cần phải xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có nhiều năm công tác và cống hiến tại doanh nghiệp Nhà nước; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động công ty chủ quản của mình bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại; quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được nhiều cơ quan có thẩm quyền tặng nhiều Giấy khen, Bằng khen, hiện bị cáo có nhiều bệnh nền (có bệnh án); gia đình bị cáo có công với cách mạng. Vì vậy, để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với Lê Thị Thu H:

Bị cáo là Kế toán trưởng Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng, trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ, là thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa, có trách nhiệm trong việc kiểm kê, kê khai tài sản trong quá trình cổ phần hóa; biết rõ thửa đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng là một thửa đất, nhưng vẫn nghe theo chỉ đạo của Nguyễn Quang T sử dụng bản sao của 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây (đã bị thu hồi, hủy bỏ) để thực hiện việc kiểm kê, kê khai tài sản, ký vào các bảng kiểm kê, đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất, ký vào biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản đối với quyền sử dụng đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng không đúng với hiện trạng thực tế, làm giảm giá trị sinh lời, giá trị thực tế của thửa đất, gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 1.142.037.876 đồng, do đó bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 03 năm tù.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động công ty chủ quản của mình bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước; bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, là lao động chính nuôi 04 con đều chưa thành niên, bản thân bị cáo có nhiều bệnh như hở van tim, thoái hóa đốt sống thắt lưng, viêm dạ dày PH mãn tính (có bệnh án), gia đình bị cáo có công với cách mạng; đồng thời, trong vụ án này, bị cáo phạm tội không có động cơ, mục đích vụ lợi, phạm tội theo sự chỉ đạo

của cấp trên. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo.

- Đối với Bùi Lê D, Nguyễn Hoàng Phụng U và Lâm Phụng T1:

Bùi Lê D là Giám đốc Xí nghiệp Công trình giao thông và Xây dựng, trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ; Nguyễn Hoàng Phụng U là Trưởng phòng Tài chính của Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ, các bị cáo đều là thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa, là những người có trách nhiệm trong việc kiểm kê, kê khai tài sản trong quá trình cổ phần hóa; biết rõ thửa đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng là một thửa đất, nhưng vẫn nghe theo chỉ đạo của Nguyễn Quang T sử dụng bản sao của 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây (đã bị thu hồi, hủy bỏ) để thực hiện việc kiểm kê, kê khai tài sản, ký vào các bảng kiểm kê, đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất, ký vào biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản đối với quyền sử dụng đất tại số 31 N, thành phố Đà Nẵng không đúng với hiện trạng thực tế, làm giảm giá trị sinh lời, giá trị thực tế của thửa đất, gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 1.142.037.876 đồng; Lâm Phụng T1 là Kế toán trưởng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Đ, bị cáo có trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản của doanh nghiệp Nhà nước, giúp Giám đốc thực hiện chế độ hạch toán hoạt động kinh tế kinh doanh, chỉ đạo công tác kế toán, tài chính, tài vụ của công ty; biết rõ hoạt động nhận chuyển nhượng, nhập thừa, tách thửa đối với 02 thửa đất tại địa chỉ số 186 T, thành phố Đà Nẵng, nhưng khi biết Nguyễn Quang T quyết định chuyển nhượng tài sản này cho Công ty P, mà không tổ chức thẩm định giá và bán đấu giá theo quy định của pháp luật, bị cáo đã không ngăn cản, mà lại nghe theo ý kiến chỉ đạo của T rồi hạch toán và cập nhật sổ sách kế toán quá trình chuyển nhượng tài sản này cho Công ty P, ghi giảm giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và ghi treo nợ số tiền còn lại của Công ty P vào sổ sách kế toán.

Với hành vi phạm tội như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt Bùi Lê D và Nguyễn Hoàng Phụng U, mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề); xử phạt Lâm Phụng T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề) là thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế; chế độ quản lý, sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất của Nhà nước; do đó, để cải tạo giáo dục đối với các bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng chỉ có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Quang T và Lê Thị Thu H.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

- Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang T và Lê Thị Thu H.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Lê D, Nguyễn Hoàng Phụng U và Lâm Phụng T1.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HSST ngày 31-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần Trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Quang T và Lê Thị Thu H.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Quang T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội** “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2021.

2.2. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Bùi Lê D 03 (ba) năm tù về tội** “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

2.3. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Hoàng Phụng U 03 (ba) năm tù về tội** “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

2.4. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lâm Phụng T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội** “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.5. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Thị Thu H 03 (ba)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (**năm**) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Lê Thị Thu H** cho Ủy ban nhân dân phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên trả tự do cho bị cáo **Lê Thị Thu H** tại phiên toà phúc thẩm (Có quyết định kèm theo).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bùi Lê D, Nguyễn Hoàng Phụng U và Lâm Phụng T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm

- Nguyễn Quang T và Lê Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng
(05 bản để giao cho các bị cáo: T, D, U và H, mỗi bị cáo 01 bản);
- UBND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo Lâm Phụng T1 (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP và Phòng LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường